TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 826/2019/HC-PT
Ngày 18 tháng 11 năm 2019
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành
Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẫn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 415/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 7 năm 2019 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2481/2019/QĐPT-HC ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1959 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thiện Sơn, xã Thiện Nghiệp, thành phố P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn P: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969; Địa chỉ: G14 Khu phố 1, Khu dân cư Phú Tài – Phú Trinh, thành phố P, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2017) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn P: Luật sư Vũ Tuấn Hải thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết: Ông Nguyễn Nam L – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 8049/UBND-TH ngày 31/10/2019) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lương Hoàng Q – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần (trước đây là Trách nhiệm hữu hạn) T;

Địa chỉ: Số 110 Trưng Trắc, phường Đức Thắng, thành phố P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1978 – Có mặt;

Địa chỉ: 44 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đức Nghĩa, thành phố P, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2017).

3.2. Thanh tra thành phố P – Có đơn xin vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp – Có đơn xin vắng mặt.

3.4. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P.

Người đại diện hợp pháp của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P: Ông Nguyễn Ngọc T[1] – Chuyên viên (Có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Ngọc Q[1], sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Đức Long, thành phố P, tỉnh B.

4.2. Bà Huỳnh Thị Thúy D, sinh năm 1988 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố Lập Nghĩa, thị trấn Thuận Nam, huyện H, tỉnh B.

4.3. Ban Quản lý rừng phòng hộ thành phố P – Vắng mặt.

5. Người kháng cáo, kháng nghị:

5.1. Người khởi kiện ông Phạm Văn P.

5.2. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện ông Phạm Văn P và người đại diện trình bày:

Năm 1982, ông khai hoang diện tích 59.473,4 m^2 đất tại thôn Thiện An, xã Thiện Nghiệp, thành phố P để trồng trọt và sử dụng ổn định đến nay. Vào khoảng năm 2012, Trưởng thôn Thiện An (ông S) đến hỏi ông có canh tác, làm rẫy không và đề nghị ông đưa sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và đưa cho ông ký vào một số giấy tờ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nên ông đồng ý.

Năm 2013, Cán bộ địa chính xã mời ông lên Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp đưa ra 02 bản photcophy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 433515, số BQ 433586 và Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi diện tích 59.473,4 m^2 của ông, nhưng không giao các giấy tờ này cho ông mà chỉ cho ông xem. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp mời ông lên làm việc, yêu cầu ông giao diện tích 59.473,4 m^2 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T để nhận tiền đền bù. Ông không biết Công ty Trách nhiệm hữu hạn T nên ông không đồng ý và đã khiếu nại đến các cấp chính quyền nhưng không được giải quyết.

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về việc thu hồi diện tích 59.473,4 m^2 của ông, nhưng sau đó Ủy ban nhân dân thành phố P lại ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 hủy Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 vì cho rằng có sự sai sót về chủ sử dụng đất, đồng thời ra Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 thu hồi diện tích 59.473,4 m^2 (thửa số 17 diện tích 48.869,3 m^2 và thửa số 14 diện tích 10.604,1 m^2) đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P và hủy một phần đối với Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về thu hồi đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T để thực hiện Dự án Sân bay P tại xã Thiện Nghiệp, thành phố P.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Ngày 29/11/2013, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6680/QĐ-UBND thu hồi diện tích 59.473,4 m^2 của hộ gia đình ông Phạm Văn P tại xã Thiện Nghiệp để thực hiện Dự án xây dựng Sân bay P.

Vào ngày 26/12/2014, Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp xác định nguồn gốc đất như sau: *"Vị trí thửa đất thuộc khu vực Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã có biên bản giải quyết về việc thỏa thuận hỗ trợ, đền bù cho 07 hộ dân (Đặng Quang L, Trần Văn T[3], Võ Thị 4[3], Lê Thị A, Lê Nguyên V, Huỳnh Văn 5[4] và Huỳnh Văn T[6]) trong khu vực trồng rừng 115,55 ha tại xã Thiện Nghiệp vào ngày 14/11/2007 (có chữ ký của các hộ dân, Chủ đầu tư Dự án – ông Phạm Phú T[7] và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp). Nguồn gốc các thửa đất do bà Nguyễn Thị M khai hoang trước năm 1990, canh tác đến năm 2002 – 2003 thì chuyển nhượng lại cho các hộ dân trên. Đến năm 2007 thì các hộ dân này thỏa thuận chuyển nhượng lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tiếp tục sử dụng cho đến nay".*

Ngày 05/01/2015, Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp có văn bản xác nhận: *"Thửa đất thu hồi không phải do hộ ông Phạm Văn P khai hoang sử dụng mà là*

của hộ bà Nguyễn Thị M khai hoang canh tác, đến năm 2002 – 2003 thì chuyển nhượng lại như đã nêu ở trên. Đến năm 2007 thì các hộ dân này thỏa thuận chuyển nhượng lại cho Công ty T và sử dụng cho đến nay".

Trên cơ sở đó, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố P đã thống nhất công nhận lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ vào kết quả xét tính pháp lý quyền sử dụng đất để ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 và Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 là đúng quy định của pháp luật. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trình bày:

Nguồn gốc diện tích 59.473,4 m^2 (thửa số 17 diện tích 48.869,3 m^2 và thửa số 14 diện tích 10.604,1 m^2) tờ bản đồ số 36 xã Thiện Nghiệp là của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T nhận chuyển nhượng của các hộ dân gồm: Đặng Quang L, Trần Văn T[3], Võ Thị T[4], Lê Thị A, Lê Nguyên V, Huỳnh Văn T[5] và Huỳnh Văn T[6] không liên quan gì đến ông Phạm Văn P. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 thu hồi đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T để thực hiện Dự án Sân bay P là hoàn toàn đúng đối tượng sử dụng đất và đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp trình bày: Theo Bản đồ 299 năm 2003 thể hiện diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 15 và 15A (nay là thửa 14 và 17), tờ bản đồ số 27 hiện trạng khi đo đạc là đất màu, nhưng chưa quy chủ cho ai. Năm 2012, ông Phạm Văn P ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Q và bà Huỳnh Thị Thúy D làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã lấy ý kiến khu dân cư và niêm yết theo quy định, sau đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 433515 ngày 28/10/2013 và số BQ 433586 ngày 11/11/2013 cho ông Phạm Văn P. Đến khi thực hiện Dự án Sân bay P, Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông Phạm Văn P, nhưng qua xác minh thì diện tích đất trên không phải là đất của ông Phạm Văn P mà là đất của bà Nguyễn Thị M khai hoang sử dụng sau đó chuyển nhượng lại cho 07 hộ dân gồm: Đặng Quang L, Trần Văn T[3], Võ Thị T[4], Lê Thị A, Lê Nguyên V, Huỳnh Văn T[5] và Huỳnh Văn T[6]. Đến năm 2007, 07 hộ dân này chuyển nhượng đất lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Như vậy việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn P là không đúng và Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành quyết định thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính; điểm c khoản 2 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 69, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P về việc:

- Hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 về việc hủy Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn P.

- Hủy một phần Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T để thực hiện dự án Sân bay P tại xã Thiện Nghiệp, thành phố P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2019, người khởi kiện ông Phạm Văn P có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của ông.

Tại Quyết định số 23/QĐ-VKS-HC ngày 28/3/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị phúc thẩm yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa giải quyết các mâu thuẫn trong hồ sơ, cần phải đưa 07 hộ dân vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn K giữ nguyên kháng cáo của ông Phạm Văn P. Ngoài số keo lá tràm của ông P thì trên đất tranh chấp không có tài sản hay vật kiến trúc gì khác của ông P. Chúng tôi gặp bà M xác nhận bằng văn bản là đất bà M kề bên đất của ông P và bà bán đất cho ông Lê Nguyên V. Công ty T nói công ty khai thác keo lá tràm trên đất là không đúng mà theo Biên bản xác định số keo lá tràm là của ông P. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông P không ghi tọa độ đất nên Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng đất này nằm trong Dự án trồng rừng của Công ty T là không đúng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P và người đại diện hợp pháp Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P đều không đồng ý kháng cáo của ông Phạm Văn P và kháng nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đề nghị xem xét ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc kê khai đăng ký, sử dụng đất của ông P. Do đất của hộ dân bị Nhà nước thu hồi thì ngoài việc được bồi

thường về đất còn được hỗ trợ các khoản khác, nên Công ty T cử cán bộ là ông Nguyễn Ngọc Q nhờ ông P đứng tên quyền sử dụng đất của Công ty nhằm để được hưởng thêm các khoản hỗ trợ khi bị thu hồi đất. Tuy nhiên việc này bị Thanh tra thành phố P phát hiện mời ông P làm việc thì ông P khai được nhờ đứng tên quyền sử dụng 02 thửa đất dùm cho Công ty T. Nay ông P dựa vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông (do đứng tên dùm Công ty T) đã bị thu hồi để cho rằng đất của ông là không có căn cứ. Số keo lá tràm trên đất là của Công ty T và được Công ty T khai thác nhiều lần, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Tọa độ đất nằm trong Dự án trồng rừng của Công ty T. Đề nghị bác kháng cáo của ông P và Kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư đề nghị xem xét đất đã được quy chủ cho ông Phạm Văn P và Ủy ban nhân dân thành phố P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P từ năm 2013. Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành các quyết định bị khởi kiện trong khi chưa có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông P là sai, chỉ đến tại phiên tòa sơ thẩm thì Ủy ban nhân dân thành phố P mới xuất trình bản photocophy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn P. Chúng tôi nhiều lần yêu cầu Tòa án triệu tập 07 hộ dân nhưng không được triệu tập. Bà M có văn bản xác định đất của bà giáp ranh đất ông P. Ủy ban nhân dân thành phố P tự mâu thuẫn vì cho rằng Công ty T mua đất các hộ dân năm 2007 nhưng lại cung cấp các hợp đồng 07 hộ dân chuyển nhượng đất cho Công ty T thể hiện năm 2012. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông P, hủy 02 quyết định bị khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị xem xét Thanh tra xác minh thì ông P đã thừa nhận đứng tên 02 thửa đất dùm cho Công ty T, nên Ủy ban nhân dân thành phố đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai đối tượng cho ông P đồng thời đã quy chủ cho Công ty T. Ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh quá trình kê khai đăng ký và sử dụng đất. Theo tọa độ thì đất này năm trong Dự án trồng rừng của Công ty T. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện và quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại sơ thẩm vì Bản án sơ thẩm không đưa bà M vào tham gia tố tụng, các chứng cứ về nguồn gốc, quá trình kê khai đăng ký, sử dụng đất còn mâu thuẫn; cây trồng trên đất là của ai cũng chưa được làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn P và quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại biên bản ngày 03/12/2014, ông Phạm Văn P trình bày: *"Các thửa đất trên (thửa 14, diện tích 10.604 m^2 và thửa 17, diện tích 48.869, 3 m^2) gia đình tôi khai hoang trước 1990, canh tác đến 1997 – 1998 thì hồi công lại cho ông Trần Minh P[1] (là người cùng thôn). Từ đó đến nay tôi không còn canh tác nữa.*

Sau này vào năm 2013 có ông Q (được biết là nhân viên Công ty T) có nhờ tôi đứng tên lại các thửa đất trên để xin cấp CN.QSDĐ và đứng tên thu hồi Dự án Sân bay".

Lý giải cho việc ký tên vào biên bản này, ông Phạm Văn P cho rằng ông có ký nhiều văn bản khống chỉ, nhưng ngoài lời trình bày bằng lời nói đơn phương của mình không được cơ quan lập biên bản thừa nhận, ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Tại Biên bản ngày 13/12/2014, ông Trần Minh P[1] trình bày: *"Các thửa đất trên trước đây là của bà Nguyễn Thị M – Thôn Thiện Sơn canh tác trước năm 1990. Vị trí đất ông Phạm Văn P hồi công cho tôi không phải vị trí này, mà là vị trí thuộc khu vực Ban Quản lý rừng để trồng rừng".*

Tại Biên bản họp Hội đồng tư vấn ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp đã kết luận: *"Vị trí các thửa đất trên không phải đất của ông Phạm Văn P khai hoang canh tác trước đây, mà là của hộ bà Nguyễn Thị M ... Nguồn gốc các thửa đất do hộ bà Nguyễn Thị M khai hoang trước năm 1990, canh tác đến năm 2002 – 2003 chuyển nhượng lại cho các hộ dân trên. Đến năm 2007 thì các hộ này thỏa thuận chuyển nhượng cho Công ty T, Công ty T tiếp tục sử dụng đến nay".*

Tại Báo cáo số 131/BC-TTPT ngày 16/3/2016 của Thanh tra thành phố P có nội dung: *"Từ kết quả xác minh trên, Cơ quan Thanh tra kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố xử lý như sau:*

1. Có văn bản trả lời ông Phạm Văn P ... về nội dung đơn kiến nghị của ông là không có cơ sở xem xét giải quyết.

2. Giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tham mưu thu hồi GCNQSDĐ số BQ 433515 ngày 28/10/2013 tại thửa đất số 14, diện tích 9.640 m^2 và GCNQSDĐ số BQ 433586 ngày 11/11/2013 tại thửa đất số 17, diện tích 44.077 m^2 đã cấp không đúng quy định cho ông Phạm Văn P. Đồng thời tham mưu thu hồi,

hủy bỏ Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về việc thu hồi 59.473,4 m^2 đất (thuộc các thửa 14/10.604,1 m^2, thửa 17/48.869,3 m^2, tờ bản đồ số 36, loại đất LNK) của ông Phạm Văn P".

Các chứng cứ trên đã đủ cơ sở xác định thửa đất 14, diện tích 10.604 m^2 và thửa số 17, diện tích 48.869,3 m^2, tờ bản đồ số 36 xã Thiện Nghiệp không phải là đất của ông Phạm Văn P, mà là đất của bà Nguyễn Thị M khai hoang trước năm 1990 chuyển nhượng lại cho 07 hộ dân, đến năm 2007 thì 07 hộ dân này chuyển nhượng cho Công ty T tiếp tục sử dụng đến nay.

[3] Sau khi có kết luận của Thanh tra cùng cấp, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn P (do cấp sai đối tượng) là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung theo quy định tại điểm d khoản 2 khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

[4] Như vậy, thửa đất 14, diện tích 10.604 m^2 và thửa số 17, diện tích 48.869,3 m^2, tờ bản đồ số 36 xã Thiện Nghiệp không phải là đất của ông Phạm Văn P, mà là đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn P yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 về việc hủy Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn P và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

[5] Như đã nhận định trên, đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị M đã chuyển nhượng cho 07 hộ dân *(Đặng Quang L, Trần Văn T[3], Võ Thị T[4], Lê Thị A, Lê Nguyên V, Huỳnh Văn T[5] và Huỳnh Văn T[6])* đều đã có tài liệu (được Ủy ban nhân dân xã Thiện Nghiệp xác nhận) là họ đã chuyển nhượng đất lại cho ông Phạm Phú T[7] và đã nhận tiền xong (Bút lục từ 144 đến 163), sau đó ông Phạm Phú T[7] chuyển nhượng lại cho Công ty T nên bà Nguyễn Thị M và 07 hộ dân này không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên không có căn cứ để đưa bà Nguyễn Thị M và 07 hộ dân vào tham gia tố tụng. Các chứng cứ cũng đã rõ, đủ để giải quyết vụ án nên, không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để thu thập thêm chứng cứ, đánh giá chứng cứ để xác định nguồn gốc đất và đưa bà Nguyễn Thị M cùng 07 hộ dân nêu trên vào tham gia tố tụng.

[5] Ông Phạm Văn P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn P và không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn P yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hủy Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn P.

- Một phần Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T để thực hiện dự án Sân bay P tại xã Thiện Nghiệp, thành phố P.

3. Ông Phạm Văn P phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0027375 ngày 30/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công